TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XA A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 16/2021/DS-ST
Ngày 04/6/2021
"V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XA A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kia;
2. Bà Võ Thị Thanh Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xa A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xa A tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xa A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-DS ngày 08/4/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (sau đây viết tắt là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt); địa chỉ trụ sở: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 210 đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàng Kiếm, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Gia Lai – Phòng Giao dịch An Khê (theo Quyết định ủy quyền số 6650/2017/QĐ-QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt và Giấy ủy quyền số 05/2020/UQ-LienvietPostBank.Gia Lai ngày 21/9/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Gia Lai). Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trịnh Thị Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 9, phường A, thị xa A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Mạnh trình bày:

Vào ngày 26/9/2016 Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Gia Lai – Phòng Giao dịch An Khê, sau đây gọi tắt là Ngân hàng, có ký hợp đồng tín dụng số 79/16/CCNH/LPB.AK (sau đây gọi tắt là hợp đồng tín dụng) với bà Trịnh Thị Đ, công tác tại Ban Chỉ huy quân sự thị xa A. Theo nội dung hợp đồng Ngân hàng cho bà Đ vay 100.000.000đ, thời hạn vay là 36 tháng, không có biện pháp bảo đảm tiền vay; lãi suất 13%/năm, mức lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo

quy định của Ngân hàng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Các bên thỏa thuận kỳ hạn trả gốc là 36 kỳ, trong đó 35 kỳ đầu mỗi kỳ trả 2.800.000đ, kỳ cuối cùng trả 2.000.000đ, kỳ trả gốc và lãi cùng kỳ trả nợ gốc vào ngày 15 hằng tháng.

Từ ngày 15/10/2016 đến ngày 15/6/2018 bà Đ đã trả lãi theo thỏa thuận và trả tiền gốc được 56.727.352 đồng, số tiền gốc còn nợ là 43.272.494đ. Từ kỳ hạn trả gốc, lãi tiếp theo đến nay bà Đ đã không thực hiện việc trả gốc và lãi theo thỏa thuận. Bà Đ đã nghỉ hưu và bán nhà đi nơi khác nhưng không cung cấp địa chỉ cho Ngân hàng. Khi giao kết hợp đồng thì bà Đ có tham gia bảo hiểm đối với khoản vay, tuy nhiên điều kiện để được bảo hiểm thanh toán là khi bà Đ chết, hiện bà Đ vẫn còn sống và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ phải trả số tiền còn nợ từ hợp đồng tín dụng là 66.293.779đ. Trong đó: Tiền nợ gốc là 43.272.494đ, tiền nợ lãi trong hạn từ ngày 15/6/2018 đến ngày 27/9/2019 là 7.328.678đ, tiền nợ lãi quá hạn từ ngày 27/9/2019 đến ngày 04/6/2021 là 14.438.589đ và tiền phạt do chậm thanh toán tiền lãi trong hạn từ ngày 27/9/2019 đến ngày 04/6/2021 là 1.254.018đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trịnh Thị Đ vắng mặt và không có ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xa A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa theo các triệu tập, thông báo của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ từ hợp đồng tín dụng là 66.293.779đ. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Trịnh Thị Đ, trú tại Tổ 9, phường A, thị xa A, tỉnh Gia Lai phải trả tiền còn nợ từ hợp đồng tín dụng. Theo kết quả xác minh của Tòa án, bị đơn bà Trịnh Thị Đ có địa chỉ cư trú đúng với địa chỉ mà nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ ghi trong hợp đồng. Tuy nhiên, khi Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, bị đơn đã đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới nên theo quy định tại khoản 3 Điều 40 và điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự 2015, thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do vậy Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xa A, tỉnh Gia Lai. Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và niêm yết các văn bản tố tụng để tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Bị đơn đã được Toà án thực hiện thủ tục triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Xét hợp đồng tín dụng số 79/2016/CCNH/LPB-AK ngày 27/9/2016, Hội đồng xét xử xét thấy các bên giao kết hợp đồng khi có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, nội dung và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc xác lập hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng. Vì vậy hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

[4] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền gốc còn nợ là 43.272.494đ. Theo Điều 1 của hợp đồng tín dụng, sao kê chi tiết tài khoản của bị đơn bà Trịnh Thị Đệ và giấy rút tiền ngày 27/9/2016 thể hiện số tiền vay đã giải ngân là 100.000.000đ. Thời hạn trả nợ mà các bên thỏa thuận là ngày 27/9/2019, theo sao kê chi tiết tài khoản vay của bà Đ từ ngày 27/9/2016 đến ngày 02/6/2021 và sao kê lịch trả nợ của bà Đ do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn đã trả gốc và lãi từ ngày 15/10/2016 đến ngày 15/6/2018 với số tiền gốc đã trả là 56.727.506đ. Đã hết thời hạn vay, bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 43.272.494đ.

[5] Tại Điều 2 và Điều 4 của hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận việc trả lãi và mức lãi suất nên bên vay phải trả lãi như đã thỏa thuận là phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng. Theo Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy định phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi của Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng thì thời gian chuẩn tính lãi theo năm là 360 ngày. Do vậy số ngày trong năm được áp dụng để tính lãi là 360 ngày.

[6] Tiền lãi trong hạn tính từ ngày trả lãi cuối cùng của bị đơn ngày 15/6/2018 đến ngày kết thúc của hợp đồng ngày 27/9/2019 là 469 ngày, do vậy tiền lãi trong hạn bị đơn phải trả là (43.272.648đ x 13%/năm)/360 ngày x 469 ngày = 7.328.678đ.

[7] Tiền lãi quá hạn được tính từ ngày kết thúc của hợp đồng ngày 27/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/6/2021 là 616 ngày, tiền lãi quá hạn bị đơn phải trả là (43.272.494đ x 19,5%/năm)/360 ngày x 616 ngày = 14.438.589đ.

[8] Tiền phạt do chậm trả lãi: Tại điểm 4.5 Điều 4 của hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận: Trường hợp bên vay trả lãi chậm thì phải chịu tiền phạt do chậm trả lãi, số tiền phạt = (số tiền lãi chậm trả x lãi phạt x số ngày chậm trả)/360 ngày, trong đó lãi phạt bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm bắt đầu chậm trả lãi, theo nội dung hợp đồng thì lãi phạt là 13 x 150% = 19,5%/năm. Tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng, pháp luật về hoạt động của các tổ chức tín dụng không quy định về tiền phạt do chậm trả lãi do vậy pháp luật được áp dụng để giải quyết là quy định của Bộ luật Dân sự. Các bên xác lập giao dịch trước ngày 01/01/2017, giao dịch đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, do vậy áp dụng quy định của Bộ luật Dân

sự 2015 để xem xét, giải quyết. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, được hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp vay có lãi nếu đến hạn mà bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay ngoài việc phải trả lãi trên nợ gốc, nếu chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn thì còn phải trả lãi trên nợ lãi trong hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tại thời điểm trả nợ (10%/năm) tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc. Theo hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận lãi suất của tiền lãi trên nợ lãi là 19,5%/năm là không phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu áp dụng lãi suất của tiền lãi trên nợ lãi trong hạn là 10%/năm và thời gian tính lãi chỉ áp dụng khi kết thúc hợp đồng (27/9/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm nên được chấp nhận. Do vậy số tiền lãi trên nợ lãi trong hạn mà bị đơn phải trả là (7.328.678đ x 10%/năm)/360 ngày x 616 ngày = 1.254.018đ.

[9] Nguyên đơn có yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc Ngân hàng khởi kiện đối với bị đơn bà Trịnh Thị Đ, theo quy định tại khoản 2 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn phải chịu tiền lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.498.400đ.

[10] Về án phí: Bị đơn bà Trịnh Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Toà án chấp nhận là 66.293.779đ x 5% = 3.314.689đ. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 5 Điều 466, Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt,

Buộc bị đơn bà Trịnh Thị Đ phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Gia Lai – Phòng Giao dịch An Khê số tiền còn nợ từ hợp đồng tín dụng số 79/16/CCNH/LPB.AK ngày 26/9/2016 là 66.293.779đ (sáu mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm bảy chín đồng), trong đó tiền gốc là 43.272.494đ (bốn mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn, bốn trăm chín mươi bốn đồng), tiền lãi trong hạn là 7.328.678đ (bảy triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, sáu trăm bảy mươi tám đồng), tiền lãi quá hạn là 14.438.589đ (mười bốn triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng) và tiền lãi trên

nợ lãi trong hạn là 1.254.018đ (một triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, không trăm mười tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bà Trịnh Thị Đ còn phải chịu tiền lãi phát sinh của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 79/16/CCNH/LPB.AK ngày 26/9/2016 và tiền lãi trên nợ lãi trong hạn chưa thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm.

Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt thì lãi suất mà bà Đ phải thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định này cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.498.400đ (ba triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, bốn trăm đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp, nguyên đơn đã nộp đủ lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

3. Về án phí: Bị đơn bà Trinh Thị Đệ phải nộp 3.314.689đ (ba triệu, ba trăm mười bốn nghìn, sáu trăm tám mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Gia Lai – Phòng Giao dịch An Khê tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.555.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004534 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xa A, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 04/6/2021. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xa A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo